

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT

Ngày: 12-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Dừa.

Bà Ngô Thị Kim Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng L; địa chỉ: Số 48C, đường L, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc Truyền, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng L; địa chỉ: Số 48C, đường L, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng Minh, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 48C, đường L, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2021, có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Hồng N1, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Hồng N1: Ông Phan Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt không có lý do)

2. Ông Châu Văn K, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Ngô Phạm T, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt không có lý do)

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Hồng N là bị đơn; bà Phạm Thị Hồng N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 26/8/2016, bà Phạm Thị Hồng N có vay tiền của Quỹ tín dụng L số tiền 650.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 36/8/2016, thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn ngày 26/8/2017, lãi suất 1,669%/tháng, lãi quá hạn 2,49%/tháng; mục đích vay là để kinh doanh thuốc tây, bán dụng cụ y tế. Nợ đã quá hạn, Quỹ tín dụng L có nhắc nhở nhiều lần nhưng bà Phạm Thị Hồng N vẫn không trả nợ. Khi vay bà Phạm Thị Hồng N thế chấp cho Quỹ tín dụng L quyền sử dụng đất diện tích 3.003.1m², thửa 544, tờ bản đồ 53, tọa lạc ấp Rạch Bèo, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do bà Phạm Thị Hồng N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 46m² thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 33, tọa lạc ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do bà Phạm Thị Hồng N đứng tên trong giấy chứng nhận. Nay, Quỹ tín dụng L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng L tổng số tiền là 1.200.110.100 đồng. Trong đó: vốn gốc 650.000.000 đồng, lãi trong hạn 513.963.600 đồng, lãi quá hạn 36.146.500 đồng (từ ngày 26/8/2017 đến ngày 31/10/2017). Quỹ tín dụng L yêu cầu bà Phạm Thị Hồng N tiếp tục chịu lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ. Nếu bà Phạm Thị Hồng N không thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Quỹ tín dụng L thì Quỹ tín dụng L yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 36/8/2016 ngày 26/8/2016 để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị Hồng N trình bày: Vào năm 2016, bà có thế chấp quyền sử dụng đất thửa 122 và 544 tổng diện tích 3.049,1m² do bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cho Quỹ

tín dụng L theo Hợp đồng thế chấp số 36/8/2016 ngày 26/8/2016 để vay 650.000.000 đồng, mục đích kinh doanh bán thuốc tây, bán dụng cụ y tế và chăn nuôi nhưng do kinh doanh thất bại nên bà còn nợ Quỹ tín dụng L số tiền gốc 650.000.000 đồng và lãi. Nay, bà không đồng ý phát mãi tài sản mà yêu cầu được trả dần và xin được giảm lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng N1 trình bày: Việc bà Phạm Thị Hồng N thế chấp căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 46m², thuộc thửa 122, tờ bản đồ 33 tọa lạc ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để vay tiền của Quỹ tín dụng L 650.000.000 đồng năm 2016 thì bà không biết. Nay, bà yêu cầu Quỹ tín dụng L dừng việc phát mãi tài sản này để bà thay bà Phạm Thị Hồng N trả dần cho Quỹ tín dụng L mỗi tháng là 20.000.000 đồng/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn K vắng mặt có ý kiến trình bày: Căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 46m², thuộc thửa 122, tờ bản đồ 33 tọa lạc ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của ông tặng cho vợ ông là bà Phạm Thị Hồng N1 vào năm 2013 và sau đó bà Phạm Thị Hồng N1 tặng cho bà Phạm Thị Hồng N. Năm 2016 bà Phạm Thị Hồng N thế chấp căn nhà này để vay tiền của Quỹ tín dụng L. Hiện tại ông và bà Phạm Thị Hồng N1 đang quản lý sử dụng căn nhà này, ông yêu cầu ưu tiên được mua lại căn nhà.

Tại bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 271, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 201 và Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 342, khoản 7 Điều 351, Điều 348, Điều 349, Điều 350 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng các Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 319, khoản 1 khoản 6 Điều 320, Điều 322, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015); Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 1 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng L.

Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng L tổng số tiền là 1.200.110.100 đồng. Trong đó: vốn gốc 650.000.000 đồng, lãi trong hạn 513.963.600 đồng, lãi quá hạn 36.146.500 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị Hồng N không thực hiện nghĩa vụ trả đầy đủ vốn gốc và lãi cho Quỹ tín dụng L thì Quỹ tín dụng L có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản mà bà Phạm Thị Hồng N đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 36/8/2016 ngày 26/8/2016 để Quỹ tín dụng L thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) bà Phạm Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng TD-TC-CC số 36/8/2016 ngày 26/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng cho vay cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng cho vay.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2020, bà Phạm Thị Hồng N và bà Phạm Thị Hồng N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị Hồng N thừa nhận có vay tiền của Quỹ tín dụng L như yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng L và từ khi vay đến nay bà chưa trả vốn gốc và lãi cho Quỹ tín dụng L. Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị Hồng N thừa nhận xin được giảm lãi suất, Quỹ tín dụng L không đồng ý theo yêu cầu của bà Phạm Thị Hồng N. Xét thấy, Quỹ tín dụng L cho bà Phạm Thị Hồng N vay mức lãi suất tại thời điểm vay là phù hợp quy định của pháp luật. Về tài sản thế chấp là thửa đất 122 gắn liền với đất là nhà ở có nguồn gốc là của ông Châu Văn K và bà Phạm Thị Hồng N1; năm 2013, ông Châu Văn K đã tặng cho bà Phạm Thị Hồng N1 và bà Phạm Thị Hồng N1 đã tặng cho lại bà Phạm Thị Hồng N; ông Châu Văn K và bà Phạm Thị Hồng N1 đều thừa nhận đã tặng cho bà Phạm Thị Hồng N hợp pháp nên không yêu cầu hay tranh chấp gì (BL 104 - 105, 189-194). Xét thấy, tất cả tài sản nêu trên do bà Phạm Thị Hồng N đứng tên, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Phạm Thị Hồng N nên việc bà Phạm Thị Hồng N đem tài sản thế chấp cho Quỹ tín dụng L để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng L là hợp pháp. Nay bà Phạm Thị Hồng N1 nại ra việc bà tặng cho bà Phạm Thị Hồng N là có điều kiện là không có cơ sở. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng N và bà Phạm Thị Hồng N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng N và bà Phạm Thị Hồng N1 còn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

[2] Nguyên đơn Quỹ tín dụng L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Hồng N trả cho Quỹ tín dụng số tiền vay 650.000.000 đồng, lãi suất phát sinh 550.110.100 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ, yêu cầu của nguyên đơn được chứng minh bằng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp số 36/8/2016 ngày 26/8/2016, bị đơn cũng thừa nhận có vay tiền của Quỹ tín dụng L và có thế chấp tài sản như theo hợp đồng số 36/8/2016 đến nay chưa trả nợ gốc và lãi, theo yêu cầu của Quỹ tín dụng L thì bị đơn cũng đồng ý trả nợ nhưng không đồng ý xử lý tài sản thế chấp và xin được trả dần, phía nguyên đơn không thống nhất. Từ đó, cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn và lãi bằng 1.200.110.100 đồng là có căn cứ.

[3] Việc Quỹ tín dụng L cho bà Phạm Thị Hồng N vay khoản tiền 650.000.000 đồng có xác lập bằng hợp đồng tín dụng số 36/8/2016, để đảm bảo cho khoản vay này bà Phạm Thị Hồng N có thể chấp hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 544 và thửa 122 do bà Phạm Thị Hồng N đứng tên quyền sử dụng, do đó việc đăng ký thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật; bà Phạm Thị Hồng N cũng thừa nhận hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp này nên đây là sự kiện không phải chứng minh. Đối với bà Phạm Thị Hồng N1 thì cũng có lời khai xác nhận căn nhà đất thửa 122 do bà Phạm Thị Hồng N đứng tên quyền sử dụng; ngày 31/8/2013 thì bà Phạm Thị Hồng N1 có lập hợp đồng tặng cho bà Phạm Thị Hồng N thửa đất 122 và bà Phạm Thị Hồng N đã được chỉnh trang 4 đứng tên quyền sử dụng đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng N và bà Phạm Thị Hồng N1 cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nên yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng cũng như nội dung nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng N, bà Phạm Thị Hồng N1 không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Phạm Thị Hồng N, bà Phạm Thị Hồng N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng N, bà Phạm Thị Hồng N1.

Giữ nguyên bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Quỹ tín dụng cơ sở nhân dân L với bị đơn bà Phạm Thị Hồng N.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng L.

Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng L tổng số tiền là 1.200.110.100 đồng. Trong đó: vốn gốc 650.000.000 đồng, lãi trong hạn 513.963.600 đồng, lãi quá hạn 36.146.500 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị Hồng N không thực hiện nghĩa vụ trả đầy đủ vốn gốc và lãi cho Quỹ tín dụng L thì Quỹ tín dụng L có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản mà bà Phạm Thị Hồng N đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 36/8/2016 ngày 26/8/2016 để Quỹ tín dụng L thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) bà Phạm Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng TD-TC-CC số 36/8/2016 ngày 26/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng L cho vay thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng L cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng L cho vay.

2. Về chi phí thẩm định: Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải nộp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Quỹ tín dụng L nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng, đã chi số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 1.500.000 đồng Quỹ tín dụng L được nhận lại tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Số tiền 500.000 đồng khi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh thu của bà Phạm Thị Hồng N sẽ hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng L.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải có nghĩa vụ nộp 48.003.303 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm lẻ ba nghìn ba trăm lẻ ba đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Quỹ tín dụng L không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng L 21.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004271 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Phạm Thị Hồng N đã nộp theo biên lai thu số 0003868 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh; bà Phạm Thị Hồng N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Buộc bà Phạm Thị Hồng N1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Phạm Thị Hồng N1 đã nộp theo biên lai thu số 0003869 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh; bà Phạm Thị Hồng N1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- CC THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tổng Văn Viên